SAMSUNG

# Quick Setup Guide
# Guide d'installation rapide

## KMC-W (KM24C-C)

### English

* The colour and the appearance may differ depending on the product, and the specifications are subject to change without prior notice to improve the performance.
* Recommended hours of use per day of this product is under 16 hours. If the product is used for longer than 16 hours a day, the warranty may be void.
* Download the user manual from the website for further details.
  http://www.samsung.com/displaysolutions

### Français

* La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et ses spécifications peuvent être modifiées sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
* Il est recommandé d'utiliser ce produit moins de 16 heures par jour. L'utilisation quotidienne du produit pendant une durée supérieure à 16 heures peut entraîner l'annulation de la garantie.
* Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.

BN68-16449F-02

## Checking the Components
## Vérification des composants

### English

- **Display**: Quick Setup Guide / Warranty card (Not available in some locations) / Regulatory guide / Power cord / Power adapter
- **Connection box**: Power strip / OCM cable / Screw(M4, L12) x 7 / Screw(M3, L5) x 11 / Screw(M3, L8) x 2 / Sheet cover x 2 / EFT Terminal cover holder / EFT Terminal holder guide

Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.
Components may differ in different locations.
The Kiosk stand is not provided. You must separately purchase and install the stand.

### Français

- **Ecran :** Guide de configuration rapide/Carte de garantie (non disponible dans certains pays)/Guide réglementaire/Câble d'alimentation/Adaptateur secteur
- **Module de connexion :** multiprise d'alimentation / câble OCM / vis (M4, L12) × 7 / vis (M3, L5) × 11 / vis (M3, L8) × 2 / capot × 2 / Support de capot du terminal TEF / Guide du support de terminal TEF

S'il manque le moindre élément, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté l'appareil.
Les éléments peuvent varier en fonction du pays.
Le support Kiosk n'est pas fourni. Vous devez acheter le support séparément et l'installer.

### Português

- **Ecrã:** Guia de configuração rápida / Certificado de garantia (não disponível em alguns locais) / Guia de regulamentação / Cabo de alimentação / Transformador de corrente
- **Caixa de ligações:** Tomada múltipla / Cabo OCM / Parafuso (M4, L12) x 7 / Parafuso (M3, L5) x11 / Parafuso (M3, L8) x 2 / Cobertura x 2 / Suporte do terminal EFT / Guia do suporte do terminal EFT

Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.
Os componentes podem variar em locais diferentes.
O suporte do Kiosk não é fornecido. É necessário adquirir o suporte em separado e instalá-lo.

### Tiếng Việt

- **Màn hình:** Hướng dẫn cài đặt nhanh / Thẻ bảo hành (Không có ở một số khu vực) / Hướng dẫn quy định / Dây nguồn / Bộ chuyển đổi nguồn
- **Hộp kết nối:** Dây nguồn / Cáp OCM / Vít (M4, L12) x 7 / Vít (M3, L5) x11 / Vít (M3, L8) x 2 / Tấm che bảo vệ x 2 / Giá đỡ nắp đậy thiết bị đầu cuối EFT / Rãnh dẫn hướng giá đỡ nắp đậy thiết bị đầu cuối EFT

Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.
Giá đỡ Kiosk không được bao gồm. Bạn phải mua và lắp đặt chân đế riêng.

### 繁體中文

- **顯示器：**快速設定指南/保固卡（在某些位置無法使用）/法規指南/電源線/變壓器
- **接線盒：**延長線/OCM 纜線/螺絲 (M4, L12) x 7/螺絲 (M3, L5) x 11/螺絲 (M3, L8) x 2/紙墊 x 2/EFT 端接點外蓋固定架/EFT 端接點固定架導件

如有任何元件遺漏，請聯絡您購買產品的供應商。
不同地區的元件可能有所差異。
未提供資訊站台。您必須另購並安裝站台。

### العربية

- **شاشة العرض:** دليل الإعداد السريع / بطاقة الضمان (غير متوفرة في بعض المواقع) / الدليل التنظيمي / سلك الطاقة / محول الطاقة
- **صندوق التوصيلات:** مشترك كهربي / كابل OCM / عدد براغي 7 x (M4, L12) / عدد براغي 11 x (M3, L5) / عدد براغي 2 x (M3, L8) / غطاء للموح 2 x / حامل غطاء وحدة EFT الطرفية / دليل حامل الوحدة الطرفية لتحويل الأموال إلكترونيًا

اتصل بالبائع الذي اشتريت منه المنتج في حالة عدم وجود أي من هذه المكونات.
قد تختلف المكونات باختلاف المواقع.
حامل جهاز الخدمة الذاتية غير مرفق. يجب عليك شراء الحامل وتركيبه بشكل منفصل.

## Assembling the display and the Connection Box
## Assemblage de l'écran et du module de connexion

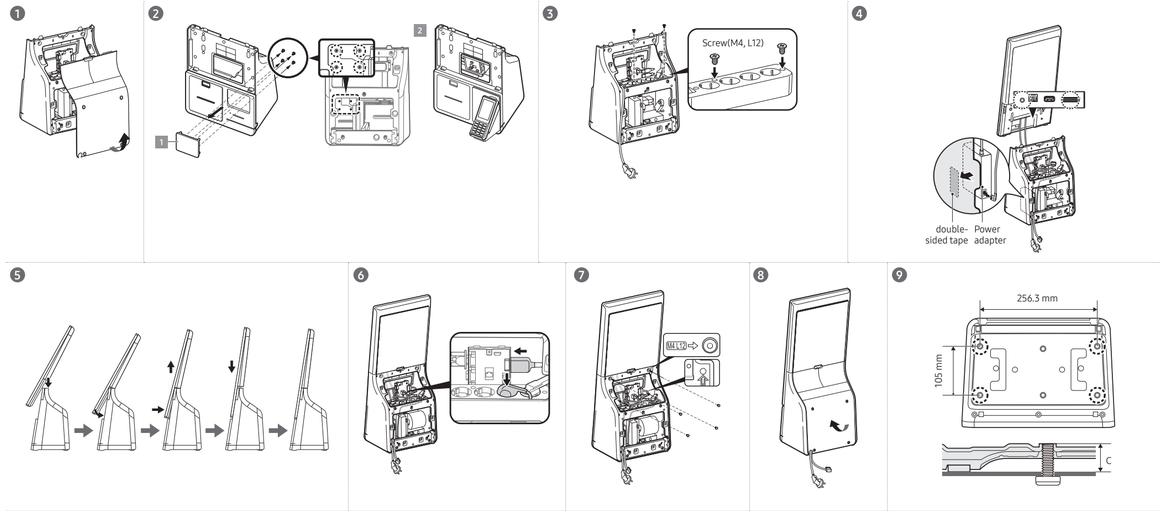


### English

CAUTION: Connect the power cord after completing the assembling process.
❺ CAUTION: Use the provided power strip only. Retail power strips cannot be assembled to the Connection Box, and the safety is not guaranteed.
❻ CAUTION: The power cord must be disconnected when you connect the cable.
❼ Tighten the screws on the bottom of the Connection Box to prevent tip-over.

| C (mm) | Thread size | Quantity |
|---|---|---|
| 13 (Min.) ~ 15 (Max.) | M5 | 4 |

### Français

* ATTENTION : achevez l'assemblage avant de brancher le câble d'alimentation.
❺ ATTENTION : utilisez uniquement la multiprise d'alimentation fournie. Les multiprises du commerce ne peuvent pas être fixées sur le module de connexion, et la sécurité n'est donc pas garantie.
❻ ATTENTION : le câble d'alimentation doit être débranché lorsque vous connectez le câble.
❼ Serrez les vis en bas du module de connexion afin d'éviter tout basculement.

| C (mm) | Taille du filetage | Quantité |
|---|---|---|
| 13 (min.) ~ 15 (max.) | M5 | 4 |

### Português

* CUIDADO: ligue o cabo de alimentação após concluir o processo de montagem.
❺ ATENÇÃO: utilize apenas a tomada múltipla fornecida. As tomadas múltiplas disponíveis no comércio a retalho não podem ser montadas na Caixa de ligações e, como tal, a respetiva segurança não é garantida.
❻ CUIDADO: tem de desligar o cabo de alimentação quando ligar o cabo.
❼ Aperte os parafusos no fundo da Caixa de ligações para impedir a queda da mesma.

| C (mm) | Tamanho da rosca | Quantidade |
|---|---|---|
| 13 (mín.) a 15 (máx.) | M5 | 4 |

### Tiếng Việt

* THẬN TRỌNG: Kết nối dây nguồn sau khi hoàn thành quy trình lắp đặt.
❺ THẬN TRỌNG:: Chỉ sử dụng dây nguồn được cung cấp. Các dây nguồn mua ngoài không thể lắp vào Hộp kết nối, và yếu tố an toàn không được đảm bảo.
❻ THẬN TRỌNG: Dây nguồn phải được ngắt kết nối khi bạn kết nối dây cáp.
❼ Vặn chặt các vít ở dưới cùng của Hộp kết nối để tránh bị lật.

| C (mm) | Kích thước ren | Số lượng |
|---|---|---|
| 13 (Tối thiểu) ~ 15 (Tối đa) | M5 | 4 |

### 繁體中文

* 注意：完成組裝程序後，再連接電源線。
❺ 注意：僅使用提供的延長線。不可將零售延長線組裝到接線盒上，其安全性無法獲得保證。
❻ 注意：連接纜線時，必須中斷電源線的連接。
❼ 鎖緊接線盒底部的螺絲，以防止傾倒。

| C（公釐） | 螺紋尺寸 | 數量 |
|---|---|---|
| 13（最小值）~ 15（最大值） | M5 | 4 |

### العربية

* تنبيه: صل سلك الطاقة بعد إكمال عملية التجميع.
❺ تنبيه: لا تستخدم سوى المشترك الكهربي المرفق. لا يمكن تجميع المشتركات الكهربية التي تُشترى بشكل منفصل بصندوق التوصيلات ولا يمكن ضمان سلامتها.
❻ تنبيه: يجب أن يكون سلك الطاقة مفصولًا عند توصيل الكبل.
❼ أحكم ربط المسامير الموجودة في الجزء السفلي من صندوق التوصيلات لمنع انقلابه.

| C (مم) | حجم سن اللولب | الكمية |
|---|---|---|
| 13 (كحد أدنى) ~ 15 (كحد أقصى) | M5 | 4 |

## Ports
## Ports

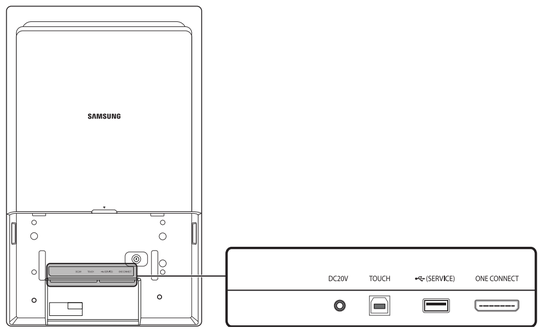


### Português

Para aceder às portas do ecrã, tem de desmontar o ecrã da caixa de ligações.

| Porta | Descrição |
|---|---|
| DC20V | Esta porta é para a ligação do transformador de corrente do ecrã. |
| TOUCH | Esta porta não funciona.<br>• Só é utilizada para um teste de funcionamento durante o processo de fabrico. |
| (SERVICE) | Liga-se a um dispositivo USB.<br>* As portas USB do produto aceitam até 1,0 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar. |
| ONE CONNECT | Liga-se ao ecrã e à caixa de ligações utilizando um cabo OCM. |

### 繁體中文

若要存取顯示器連接埠，您必須將顯示器從接線盒卸下。

| 連接埠 | 說明 |
|---|---|
| DC20V | 這個連接埠適用於連接顯示器的變壓器。 |
| TOUCH | 這個連接埠不是正常運作的連接埠。<br>• 僅用於製造過程中的操作測試。 |
| (SERVICE) | 連接至 USB 裝置。<br>* 產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 1.0 A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。 |
| ONE CONNECT | 使用 OCM 纜線連接顯示器與接線盒。 |

### English

To access the display ports, you must disassemble the display from the Connection Box.

| Port | Description |
|---|---|
| DC20V | This port is for connecting the display's power adapter. |
| TOUCH | This port is not a functioning port.<br>• It is only used for an operation test during the manufacturing process. |
| (SERVICE) | Connects to a USB device.<br>* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 1.0 A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work. |
| ONE CONNECT | Connects the display and the Connection Box using an OCM cable. |

### Français

Pour accéder aux ports de l'écran, vous devez démonter l'écran du module de connexion.

| Port | Description |
|---|---|
| DC20V | Ce port sert à connecter l'adaptateur secteur de l'écran. |
| TOUCH | Ce port n'est pas fonctionnel.<br>• Il est uniquement utilisé pour un test de fonctionnement au cours du processus de conception. |
| (SERVICE) | Permet de se connecter à un appareil USB.<br>* Les ports USB de l'appareil acceptent un courant constant maximal de 1,0 A maximum. Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas. |
| ONE CONNECT | Permet de connecter l'écran et le module de connexion à l'aide d'un câble OCM. |

### Tiếng Việt

Để truy cập các cổng màn hình, bạn phải tháo rời màn hình khỏi Hộp kết nối.

| Cổng | Mô tả |
|---|---|
| DC20V | Cổng này dùng để kết nối với bộ chuyển đổi nguồn của màn hình. |
| TOUCH | Cổng này không phải cổng chức năng.<br>• Cổng này chỉ được dùng để thử nghiệm vận hành trong quá trình sản xuất. |
| (SERVICE) | Kết nối với thiết bị USB.<br>* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động. |
| ONE CONNECT | Kết nối màn hình và Hộp kết nối bằng cáp OCM. |

### العربية

للوصول إلى منافذ شاشة العرض، يجب عليك فك شاشة العرض من صندوق التوصيلات.

| المنفذ | الوصف |
|---|---|
| DC20V | يُستخدم هذا المنفذ لتوصيل محول طاقة شاشة العرض. |
| TOUCH | هذا المنفذ ليس منفذًا وظيفيًا.<br>• ويُستخدم فقط من أجل اختبار التشغيل أثناء عملية التصنيع. |
| (SERVICE) | يتصل بجهاز USB.<br>* تقبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تيارًا مستمرًا يبلغ 1.0 أمبير بحد أقصى. في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB. |
| ONE CONNECT | يقوم بتوصيل شاشة العرض وصندوق التوصيلات باستخدام كبل OCM. |

## Installing EFT Terminal
## Installation du terminal TEF

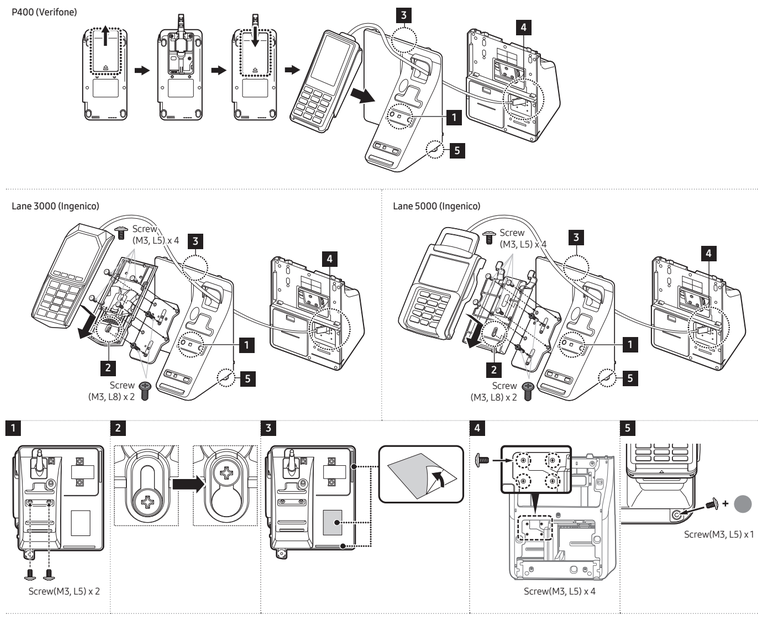


### English

Compatible EFT Terminal: Verifone P400, Ingenico Lane3000/5000 (EFT Terminal is not provided or sold by Samsung.)

### Français

Terminal TEF compatible : Verifone P400, Ingenico Lane3000/5000 (le terminal de paiement n'est ni fourni ni vendu par Samsung)

### Português

Terminal EFT compatível: Verifone P400, Ingenico Lane3000/5000 (o dispositivo de pagamento não é fornecido ou vendido pela Samsung).

### Tiếng Việt

Thiết bị đầu cuối EFT tương thích: Verifone P400, Ingenico Lane3000/5000 (Thiết bị thanh toán không được Samsung cung cấp hoặc bán.)

### 繁體中文

相容的 EFT 端接點：Verifone P400, Ingenico Lane3000 /5000（Samsung 不提供也不銷售付費裝置）。

### العربية

وحدة تحويل الأموال إلكترونيًا الطرفية المتوافقة: Verifone Ingenico Lane3000/5000 ,P400
(لا توفر شركة Samsung جهاز الدفع أو تبيعه.)

## Wall mount kit specifications
## Spécifications du kit de montage mural

Disassemble the rear cover of the Connection Box, remove the sheets covering the VESA holes by pressing them with a pen from the inner side of the rear cover, and then install the wall-mount bracket.

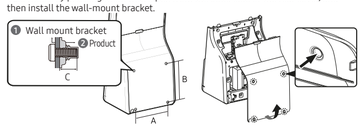


| ❸ Model | ❹ VESA screw hole specs (A * B) (mm) | C (mm) | ❺ Thread size | ❻ Quantity |
|---|---|---|---|---|
| KMC-W (KM24C-C) | 200 x 200 | 7.0 (Min.) ~ 9.0 (Max.) | M6 | 4 |

### Français

Retirez le capot arrière du module de connexion, ôtez les protections qui couvrent les orifices VESA en appuyant sur ces dernières à l'aide d'un stylo depuis la face interne du capot arrière, puis installez le support de fixation murale.
❶ Support de fixation murale / ❷ Produit / ❸ Modèle / ❹ Spécifications des orifices VESA (A × B, en mm) / ❺ Taille du filetage / ❻ Quantité

### Português

Desmonte a cobertura posterior da Caixa de ligações, remova as coberturas dos orifícios VESA pressionando-as com uma esferográfica a partir do interior da cobertura posterior e, em seguida, instale o suporte de montagem na parede.
❶ Suporte de montagem na parede / ❷ Produto / ❸ Modelo / ❹ Especificações dos orifícios de parafusos VESA (A * B) (mm) / ❺ Tamanho da rosca / ❻ Quantidade

### Tiếng Việt

Tháo nắp sau của Hộp kết nối, tháo các tấm che các lỗ VESA bằng cách dùng bút ấn chúng vào mặt trong của nắp sau, và sau đó lắp giá đỡ gắn tường.
❶ Giá đỡ treo tường / ❷ Sản phẩm / ❸ Kiểu máy / ❹ Thông số kỹ thuật lỗ vít VESA (A * B) (mm) / ❺ Kích thước ren / ❻ Số lượng

### 繁體中文

拆卸接線盒的後蓋，用筆從後蓋的內側按壓覆蓋 VESA 孔的紙片並取出，然後安裝掛牆托架。
❶ 掛牆托架 / ❷ 產品 / ❸ 型號 / ❹ VESA 螺絲孔規格 (A * B)（公釐）/ ❺ 螺紋尺寸 / ❻ 數量

### العربية

فك الغطاء الخلفي لصندوق التوصيلات، وأزل الألواح التي تغطي ثقوب VESA عن طريق ضغطها بقلم من الجزء الداخلي للغطاء الخلفي، ثم ركّب دعامة التثبيت على الحائط.
❶ دعامة التثبيت على الحائط / ❷ المنتج / ❸ الطراز / ❹ مواصفات فتحة برغي الحامل VESA (A * B) (مم) / ❺ حجم سن اللولب / ❻ الكمية

# Using the product
# Utilisation du produit

## Turning the power on and off
## Mettre le produit sous et hors tension

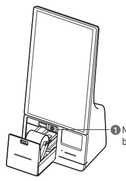


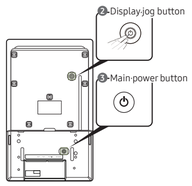


### English

- Press the **Main power** button to turn on the product.
- Select the Windows **START** button ( ) → ⏻ → **Shutdown** to safely turn the product off.
- To force-shutdown the product, press and hold the Main power button.
- When you turn on the product for the first time, make sure to turn on the display by pressing the jog button on the back of the display.
* Force-shutdown and abnormal shutdown may cause data corruption and Samsung is not liable for such corrupted data.
* For more information on the function of the display jog button, refer to page 14 of the user manual.
* ❶ Main power button / ❷ Display jog button / ❸ Main power button

### Français

- Appuyez sur le bouton d'**alimentation principale** pour allumer le produit.
- Appuyez sur le bouton Windows **DÉMARRER** ( ) → ⏻ → **Arrêter** pour éteindre le produit en toute sécurité.
- Pour forcer l'arrêt du produit, appuyez de façon prolongée sur le bouton d'alimentation principale.
- Lorsque vous allumez le produit pour la première fois, assurez-vous d'allumer l'écran en appuyant sur le bouton JOG au dos de l'écran.
* Un arrêt forcé ou anormal peut entraîner une corruption des données, dont Samsung ne saurait être responsable.
* Pour plus d'informations sur la fonction du bouton d'affichage JOG, reportez-vous à la page 14 du manuel de l'utilisateur.
* ❶ Bouton d'alimentation principale / ❷ Bouton d'affichage JOG / ❸ Bouton d'alimentation principale

### Português

- Prima o botão de **ligar/desligar** para ligar o produto.
- Selecione o botão **INICIAR** ( ) → ⏻ → **Encerrar** do Windows para desligar o produto em segurança.
- Para forçar o encerramento do produto, prima sem soltar o botão de ligar/desligar.
- Quando liga o produto pela primeira vez, tem de ligar também o ecrã premindo o botão de comando na parte traseira do mesmo.
* O encerramento forçado e o encerramento anormal podem danificar dados e a Samsung não se responsabiliza por esses dados danificados.
* Para obter mais informações sobre o funcionamento do botão de comando do ecrã, consulte a página 14 do manual do utilizador.
* ❶ Botão de ligar/desligar / ❷ Botão de comado do ecrã / ❸ Botão de ligar/desligar

### Tiếng Việt

- Nhấn nút **Nguồn chính** để bật sản phẩm.
- Chọn nút **KHỞI ĐỘNG** ở Cửa sổ (Windows) ( ) → ⏻ → **Tắt máy** để tắt sản phẩm một cách an toàn.
- Để tắt nguồn bắt buộc sản phẩm, nhấn và giữ nút Nguồn chính.
- Khi bạn bật sản phẩm lần lần đầu tiên, hãy đảm bảo bật màn hình bằng các nhấn vào nút jog phía sau màn hình.
* Tắt nguồn bắt buộc và tắt nguồn bất thường có thể gây hỏng dữ liệu và Samsung không chịu trách nhiệm pháp lý cho dữ liệu bị hỏng này.
* Để biết thêm thông tin về chức năng của nút jog màn hình, hãy tham khảo trang 14 của hướng dẫn sử dụng.
* ❶ Nút nguồn chính / ❷ Nút jog màn hình / ❸ Nút nguồn chính

### 繁體中文

- 按下**主電源**按鈕以開啟產品電源。
- 選取 Windows **開始**按鈕 ( ) → ⏻ → **關機**以安全地關閉產品電源。
- 若要強行將產品關機，請按住主電源按鈕。
- 第一次開啟產品電源時，請確實按下顯示器背面的 Jog 按鈕（手動），才能開啟顯示器。
* 強制關機和非正常關機可能會導致資料損毀，Samsung 對這類損毀的資料概不負責。
* 如需顯示器 Jog 按鈕（手動）功能的詳細資訊，請參閱使用手冊第 14 頁。
* ❶ 主電源按鈕/❷ 顯示器 Jog 按鈕（手動）/❸ 主電源按鈕

### العربية

- اضغط على زر **الطاقة الرئيسي** لتشغيل المنتج.
- حدد زر Windows **بدء التشغيل** ( ) ← ⏻ ← **إيقاف التشغيل** لإيقاف تشغيل المنتج بأمان.
- لإيقاف تشغيل المنتج بشكل قسري، اضغط مع الاستمرار على زر الطاقة الرئيسي.
* عند تشغيل المنتج لأول مرة، تأكد من تشغيل شاشة العرض عن طريق الضغط على الزر الدوار الموجود خلف شاشة العرض.
* قد يؤدي إيقاف التشغيل القسري وإيقاف التشغيل غير الطبيعي إلى تلف البيانات وشركة Samsung غير مسؤولة عن تلك البيانات المُتلفة.
* لمزيد من المعلومات عن وظائف زر شاشة العرض الدوار، يُرجى الرجوع إلى الصفحة 14 من دليل المستخدم.
* ❶زر الطاقة الرئيسي / ❷زر شاشة العرض الدوار / ❸زر الطاقة الرئيسي

## Touch screen gestures
## Gestes sur l'écran tactile

### English

**Tap**

To select menus, options, or applications, tap the touch screen.
* It is similar to clicking on a mouse.

**Double-tap**

To open files or items, double-tap the touch screen.
* It is similar to double-clicking on a mouse.

**Touch and hold (right-click)**

To use additional options of an item, touch and hold it on the touch screen.

**Drag**

To move an item to another location, touch and hold it, and then drag it on the touch screen to the desired location.
* It is similar to dragging a mouse.

**Scroll**

To scroll up, down, left, or right, swipe on the touch screen.

### Français

**Appuyer**

Pour sélectionner des menus, des options ou des applications, appuyez sur l'écran tactile.
* C'est comme si vous faisiez un clic sur une souris.

**Appuyer deux fois**

Pour ouvrir des fichiers ou des éléments, appuyez deux fois sur l'écran tactile.
* C'est comme si vous double-cliquiez sur une souris.

**Toucher et maintenir (clic droit)**

Pour utiliser les options supplémentaires d'un élément, touchez et maintenez la pression sur l'écran tactile.

**Faire glisser**

Pour déplacer un élément vers un autre emplacement, touchez-le et maintenez-le enfoncé, puis faites-le glisser sur l'écran tactile vers l'emplacement souhaité.
* Vous feriez de même avec une souris.

**Défil.**

Pour faire défiler vers le haut, le bas, la gauche ou la droite, balayez l'écran tactile.

### Português

**Toque**

Para selecionar menus, opções ou aplicações, toque no ecrã tátil.
* É equivalente a um clique num rato.

**Duplo toque**

Para abrir ficheiros ou itens, toque duas vezes no ecrã tátil.
* É equivalente ao duplo clique num rato.

**Toque sem soltar (clique com o botão direito do rato)**

Para utilizar opções adicionais de um item, toque sem soltar esse item no ecrã tátil.

**Arrastar**

Para mover um item para outro local, toque sem soltar esse item e depois arraste-o no ecrã tátil para o local pretendido.
* É equivalente a arrastar um rato.

**Deslocar**

Para se deslocar para cima, baixo, esquerda ou direita, passe o dedo pelo ecrã tátil na direção pretendida.

### Tiếng Việt

**Chạm**

Để chọn menu, tùy chọn hoặc ứng dụng, chạm vào màn hình cảm ứng.
* Thao tác này tương tự với bấm chuột.

**Nhấn đúp**

Để mở các tệp hay mục, nhấn đúp vào màn hình cảm ứng.
* Thao tác này tương tự với bấm đúp chuột.

**Chạm và giữ (nhấn phải)**

Để sử dụng các tùy chọn bổ sung của mục, chạm và giữ mục đó trên màn hình cảm ứng.

**Kéo**

Để di chuyển mục đến vị trí khác, chạm và giữ mục đó, sau đó kéo mục đó trên màn hình cảm ứng đến vị trí mong muốn.
* Thao tác này tương tự với kéo chuột.

**Cuộn**

Để cuộn lên, xuống, trái hoặc phải, trượt ngón tay trên màn hình cảm ứng.

### 繁體中文

**輕觸**

若要選取功能表、選項或應用程式，請輕按觸控螢幕。
* 這類似於按一下滑鼠。

**輕按兩下**

若要開啟檔案或項目，請在觸控螢幕上輕按兩下。
* 這類似於按兩下滑鼠。

**輕觸並按住（按右鍵）**

若要使用某項目的額外選項，請在觸控螢幕上輕觸該選項並按住。

**拖曳**

若要將某項目移至另一個位置，請輕觸該項目並按住，然後在觸控螢幕上將其拖曳至所要的位置。
* 這類似於拖曳滑鼠。

**捲動：**

往上、下、左或右方向滾捲，在觸控螢幕上撥動。

### العربية

**الضغط**

لتحديد القوائم أو الخيارات أو التطبيقات، اضغط على شاشة اللمس.
* يتماثل هذا مع النقر على الماوس.

**الضغط المزدوج**

لفتح الملفات أو العناصر، اضغط ضغطًا مزدوجًا على شاشة اللمس.
* يتماثل هذا مع الضغط المزدوج باستخدام ماوس.

**اللمس مع الاستمرار (النقر بزر الماوس الأيمن)**

لاستخدام خيارات إضافية للعنصر، قم بلمسه مع الاستمرار على شاشة اللمس.

**السحب**

لتحريك عنصر إلى موقع مختلف، قم بلمسه مع الاستمرار، ثم اسحبه إلى الموقع المطلوب على شاشة اللمس.
* يتماثل هذا مع السحب باستخدام ماوس.

**التمرير**

للتمرير لأعلى أو لأسفل أو لليسار أو لليمين، اسحب على شاشة اللمس.



### English

## Specifications

| Model Name | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| Panel | Size | 60.4 cm |
| | Display area | 527.04 mm (H) x 296.46 mm (V) |
| Power Supply | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>Refer to the label at the back of the product as the standard voltage can vary in different countries. |
| Environmental considerations | Operating | Temperature : 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F)<br>Humidity : 10% – 80%, non-condensing |
| | Storage | Temperature : -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F)<br>Humidity : 10% – 90%, non-condensing |

- This is a class A product. In a domestic environment this product may cause radio interference in which case the user may be required to take adequate measures.
- For detailed device specifications, visit the Samsung website.

### Português

## Características técnicas

| Nome do modelo | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| Painel | Tamanho | Classe 24 (23,8 polegadas / 60,4 cm) |
| | Área de visualização | 527,04 mm (H) x 296,46 mm (V) |
| Fonte de alimentação | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes. |
| Características ambientais | Funcionamento | Temperatura: 0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F)<br>Humidade: 10% - 80%, sem condensação |
| | Armazenamento | Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F)<br>Humidade: 10% - 90%, sem condensação |

- Este é um produto de classe A. Num ambiente doméstico, este produto poderá provocar interferência radioelétrica. Caso tal aconteça, o utilizador poderá ter de tomar medidas adequadas.
- Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung .

### 繁體中文

## 規格

| 型號名稱 | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| 面板 | 大小（需沿屏幕表面測量對角） | 23.8 英吋（60.4 公分） |
| | 可視面積（需沿屏幕表面測量） | 527.04 公釐（水平）x 296.46 公釐（垂直） |
| 電源 | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>請參閱產品後方的標籤，不同國家地區的標準電壓不盡相同。 |
| 環境因素 | 工作 | 溫度：0 °C - 40 °C ( 32 °F - 104 °F )<br>濕度：10% - 80%，無冷凝 |
| | 存放 | 溫度：-20 °C - 45 °C ( -4 °F - 113 °F )<br>濕度：10% - 90%，無冷凝 |

- 如需詳細的裝置規格，請造訪三星電子網站。
- KMC-W (KM24C-C)：耗電量 (額定)：80 W

## RoHS

設備名稱： 彩色顯示器；連接基座
Equipment name

型號（型式）：
Type designation (Type)

KMC-W (KM24C-C)

| 單元<br>Unit | 限用物質及其化學符號<br>Restricted substances and its chemical symbols | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | 鉛<br>Lead (Pb) | 汞<br>Mercury (Hg) | 鎘<br>Cadmium (Cd) | 六價鉻<br>Hexavalent chromium ($Cr^{+6}$) | 多溴聯苯<br>Polybrominated biphenyls (PBB) | 多溴二苯醚<br>Polybrominated diphenyl ethers (PBDE) |
| 電路板 | — | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 外殼 | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 金屬零件 | — | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 液晶面板 | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 揚聲器 | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |
| 配件（例：線材） | — | ○ | ○ | ○ | ○ | ○ |

備考1. "○" 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。
Note 1: "○" indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.

備考2. "—" 係指該項限用物質為排除項目。
Note 2: The "—" indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

### Français

## Caractéristiques techniques

| Nom du modèle | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| Panneau | Taille | Classe 24 (23,8 pouces / 60,4 cm) |
| | Surface d'affichage | 527,04 mm (H) x 296,46 mm (V) |
| Alimentation | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>Reportez-vous à l'étiquette apposée au dos du produit, car la tension standard peut varier en fonction du pays. |
| Considérations environnementales | Fonctionnement | Température: 0 °C – 40 °C (32 °F –104 °F)<br>Humidité: 10% à 80%, sans condensation |
| | Stockage | Température: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F)<br>Humidité: 10% à 90%, sans condensation |

- Ce produit est de classe A. Dans un environnement domestique, ce produit peut provoquer des interférences radio, auquel cas l'utilisateur sera amené à prendre des mesures appropriées.
- Pour les spécifications détaillées de l'appareil, veuillez visiter le site Web de Samsung .

### Tiếng Việt

## Các thông số kỹ thuật

| Tên môđen | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| Màn hình | Kích thước | Loại 24 (23,8 inch / 60,4 cm) |
| | Vùng hiển thị | 527,04 mm (H) x 296,46 mm (V) |
| Nguồn điện | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau. |
| Các yếu tố môi trường | Vận hành | Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F)<br>Độ ẩm: 10% – 80%, không ngưng tụ |
| | Lưu trữ | Nhiệt độ: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F)<br>Độ ẩm: 10% – 90%, không ngưng tụ |

- Đây là sản phẩm loại A. Ở môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng radio, đòi hỏi người dùng phải thực hiện những biện pháp thích hợp.
- Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung.

### العربية

## المواصفات

| اسم الموديل | | KMC-W (KM24C-C) |
|---|---|---|
| لوحة | الحجم | الفئة 24 (23.8 بوصة / 60.4 سم) |
| | منطقة العرض | 527.04 ملم (أفقي) × 296.46 ملم (رأسي) |
| مصدر إمداد الطاقة | | AC100-240V~ 50/60Hz<br>اطّلع على الملصق الموجود بالجانب الخلفي من المنتج، حيث قد تختلف الفولتية القياسية باختلاف الدول. |
| الاعتبارات البيئية | أثناء التشغيل | درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت)<br>الرطوبة: 10% - 80%، دون تكاثف |
| | التخزين | درجة الحرارة: -20 إلى 45 درجة مئوية (-4 إلى 113 درجة فهرنهايت)<br>الرطوبة: 10% - 90%، دون تكاثف |

- يندرج هذا المنتج تحت الفئة أ. عند وجود هذا المنتج في بيئة منزلية، قد يتسبب في حدوث تداخل لاسلكي، وفي هذه الحالة، قد يحتاج المستخدم لاتخاذ إجراءات كافية.
- للاطلاع على مواصفات الجهاز بالتفاصيل، يُرجى زيارة الموقع الإلكتروني لشركة Samsung.

# Contact SAMSUNG WORLD WIDE
# Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: http://www.samsung.com

| Country/Region | Customer Care Centre |
|---|---|
| ALGERIA | 0800 100 001 |
| AUSTRALIA | 1300 362 603 |
| BAHRAIN | 8000-GSAM (8000-4726) |
| BANGLADESH | 08000-300-300 (Toll free)<br>09612-300-300 |
| CAMBODIA | 1800-20-3232 (Toll free) |
| CAMEROON | 67095 0077 |
| COTE D'IVOIRE | 8000 0077 |
| EGYPT | 08000-7267864<br>16580<br>WhatsApp 010 000 16580 |
| GHANA | 0800 100 077 |
| HONG KONG | 3698 4698 ( All Product)<br>3698 4688 ( B2B )<br>3698 4633 (eStore) |
| INDIA | 1800 5 SAMSUNG (1800 5 7267864) (Toll-Free)<br>1800 40 SAMSUNG (1800 40 7267864) (Toll-Free) |

| Country/Region | Customer Care Centre |
|---|---|
| INDONESIA | 021-5699-7777<br>0800-112-8888 (All Product, Toll Free)<br>0800-112-7777 (All Product, Toll Free) |
| IRAN | 021-8255 |
| IRAQ | 80010080<br>WhatsApp +962-79-777-7421 |
| ISRAEL | *6963 |
| JORDAN | 0800-22273<br>06-577-7444<br>WhatsApp +962-79-777-7421 |
| KENYA | 0800 545 545 |
| KUWAIT | 183-CALL (183-2255) |
| LAOS | +856-214-17333 |
| LEBANON | 1598<br>WhatsApp +962-79-777-7421 |
| MACAU | 0800 333 |
| MALAYSIA | 1800-88-9999<br>+603-7713 7420 (Overseas contact) |
| MAURITIUS | 800 5050 |
| MOROCCO | 080 100 22 55 |

| Country/Region | Customer Care Centre |
|---|---|
| MOZAMBIQUE | 84 726 7864 |
| MYANMAR | +95-1-2399-888 |
| NAMIBIA | 08 197 267 864 |
| NEPAL | 16600172667 (Toll Free for NTC Only)<br>9801572667 (Toll Free for Ncell users) |
| NEW ZEALAND | 0800 726 786 (All Product) |
| NIGERIA | 0800 726 7864 |
| OMAN | 800-SAM CS (800-72627) |
| PALESTINE | 1800-792447 |
| PAKISTAN | 0800-Samsung (7267864) |
| PHILIPPINES | 1-800-10-7267864 [ PLDT - Toll Free ]<br>1-800-8-7267864 [ Globe - Toll Free ]<br>84222111 [ Landline ] |
| QATAR | 800-CALL (800-2255) |
| REUNION | 0262 50 88 80 |
| SAUDI ARABIA | 8002474357 (08:00 ~ 20:00 HELP) From Inside Saudi Arabia<br>+966112614718 From outside Saudi Arabia (Call charges may be applied )<br>Digital services (24/7 HELP) |

| Country/Region | Customer Care Centre |
|---|---|
| SENEGAL | 200 077 |
| SINGAPORE | 1800 7267864 \| 1800-SAMSUNG |
| SOUTH AFRICA | 0860 SAMSUNG (726 7864) |
| SRI LANKA | 011 SAMSUNG (011 7267864) |
| SUDAN | 1969 |
| TAIWAN | 0800-32-9999<br>0809-00-5237 (B2B / Dealer) |
| TANZANIA | 0800 780 089 |
| THAILAND | Hotline no : 1282<br>1800-29-3232 (Toll free for all product) |
| TUNISIA | 80 100 012 |
| U.A.E | 800-SAMSUNG (800 - 726 7864) |
| UGANDA | 0800 300 300 |
| VIETNAM | Toll free numbers:<br>, 1800 588 889<br>Hotline: (028)73056888 |